

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LŨ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Mạnh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Ngà và bà Đào Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án huyện Tiên Lữ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thúy H, sinh năm 1999 “*có mặt*”

HKTT: Thôn NT, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: Thôn LX, xã HC, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1999 “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn NT, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 13/12/2021; Người đại diện hợp pháp cho cháu K: Chị Lương Thúy H là mẹ đẻ

Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1978 (mẹ đẻ anh T); Địa chỉ: Thôn NT, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979 (mẹ đẻ chị H); Địa chỉ: Thôn LX, xã HC, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên “*có mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lời khai, nguyên đơn là chị Lương Thúy H trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Xuân T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 15/01/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống và bất đồng quan điểm trong

việc chăm sóc, nuôi dạy con chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, nhiều lần anh T chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bố mẹ hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không được. Đến tháng 6/2022 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn LX, xã HC, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh T thường xuyên nhắn tin qua điện thoại chửi bới xúc phạm chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 13/12/2021. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Đỗ Xuân T trình bày: Anh và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 15/01/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chưa thật sự hiểu hết về tính cách của nhau, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và nuôi dưỡng, chăm sóc con nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Đến tháng 6/2022 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian chị H ở nhà bố mẹ đẻ, anh đã đến đón chị H về để vợ chồng nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng chị H chỉ đưa con về để cho anh gặp con, còn vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Nay chị H xin ly hôn anh xét thấy vẫn còn yêu thương chị H nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng chung sống đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con lên người. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 13/12/2021. Trường hợp vợ chồng giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ chị H trình bày: Chị H, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn Nội Thượng, xã AV, huyện TL. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về lối sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã. Bà và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Đến tháng 6 năm 2022 chị H đã đưa con về gia đình bà ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 13/12/2021 hiện đang ở

với chị H. Trước yêu cầu ly hôn của chị H, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Phạm Thị Y là mẹ đẻ anh T trình bày: Sau khi kết hôn với anh T, chị H đã chuyển hộ khẩu về gia đình bà tại thôn NT, xã AV. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hợp nhau về lối sống nên vợ chồng thường xảy ra va chạm cãi vã. Đến tháng 6/2022 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn LX, xã HC, huyện KĐ, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Trước yêu cầu của chị H xin ly hôn anh T, quan điểm của bà mong muốn hai anh chị về chung sống đoàn tụ với nhau để nuôi dạy con chung vì cháu còn nhỏ. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND xã AV được biết anh T, chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã AV ngày 15/01/2021. Anh chị đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do không hợp nhau về lối sống, thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã. Anh chị đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, chị H đã đem con về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã HC, huyện KĐ còn anh T vẫn ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn NT, xã AV. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 13/12/2021.

Tại phiên toà hôm nay: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, có nguyện vọng được nuôi con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ nần. Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án vì vậy Tòa án xét xử vụ án sự là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Về tài sản chung, công sức, nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lương Thúy H xin ly hôn anh Đỗ Xuân T cư trú tại thôn NT, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Chị H, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 15/01/2021 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về lối sống, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy chăm sóc con chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống. Anh T khẳng định trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau nhưng anh vẫn còn yêu thương chị H nên không đồng ý ly hôn. Thực tế, anh T xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng như vậy đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, giải quyết cho anh chị được ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 13/12/2021, hiện đang ở với chị H. Ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu K còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất về mặt tinh thần và vật chất, tránh làm xáo trộn cuộc sống hàng ngày của cháu nhỏ, HĐXX quyết định giao cháu K cho chị H được quyền nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con không ai được cản trở là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, công sức, nợ, ruộng cấy: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thúy H được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 13/12/2021 cho chị Lương Thúy H được quyền nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H nhưng được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, nợ, ruộng cấy: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004646 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Lương Thúy H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự
- Viện kiểm sát huyện Tiên Lữ
- Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THA huyện Tiên Lữ;
- UBND xã AV (GCNKH số 02/2021 ngày 15/01/2021)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang